

qiān bǐ xiàng pí
铅笔、橡皮

qǐng jiāng zhèng què de tú piàn yǔ dān cí lián xiàn。 Please match the pictures with the correct words.

1. cǎi sè bǐ
彩色笔

2. xiàng pí
橡皮

3. chǐ zi
尺子

4. jiǎn dāo
剪刀

5. qiān bǐ
铅笔

